

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỐC OAI
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2025/HNGĐ-ST
Ngày 30 tháng 5 năm 2025
V/v: “*Tranh chấp về ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỐC OAI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Long

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Sỹ Danh Huệ

2. Ông Nguyễn Văn Thắng

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu – Thẩm tra viên chính.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quốc Oai tham gia phiên tòa:

Bà Vi Thị Ngọc Kim – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 27/2025/TLST – HN&GD ngày 26 tháng 02 năm 2025 về việc “tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2025/QĐST – HPT ngày 14 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* chị **Đỗ Thị Thu T**, sinh năm 1987, căn cước công dân số A, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, cấp ngày 05/04/2022; nơi cư trú: tổ dân phố P, phường M, quận N, thành phố Hà Nội. (chị T có đơn xin xét xử vắng mặt)

* *Bị đơn:* anh **Nguyễn Anh S**, sinh năm 1986; căn cước công dân số A1, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, cấp ngày 19/06/2019; nơi cư trú: tổ dân phố H, thị trấn Q, huyện Q, thành phố Hà Nội. (anh S vắng mặt lần thứ 2 liên tiếp không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị **Đỗ Thị Thu T** trình bày như sau:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Nguyễn Anh S có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 11 tháng 3 năm 2019 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Q,

huyện Q, thành phố Hà Nội số 24/2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng chúng tôi về sinh sống tại ngõ bệnh viện Q được khoảng 12 tháng thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không hạnh phúc. Hiện nay, hai bên không quan tâm và không có quan hệ tình cảm gì với nhau nữa. Nay tôi cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2022 đến nay, đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh S để tôi sớm ổn định cuộc sống.

- Về con chung: không có con chung, không yêu cầu giải quyết.
- Về tài sản chung (động sản và bất động sản): chị T xác nhận tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.
- Về các khoản vay nợ: chị T xác nhận không vay nợ nhau, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu tòa án xem xét, giải quyết.
- Về án phí: Tôi tự nguyện chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

* **Bị đơn** anh Nguyễn Anh S đã được Toà tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến Toà án làm việc và không trình bày quan điểm giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình. Cụ thể: Nguyên đơn đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn; về con chung: không có; về tài sản chung (động sản và bất động sản): xác nhận vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết; về các khoản vay nợ: xác nhận vợ chồng không vay nợ nhau, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu tòa án xem xét, giải quyết; về án phí: chị T tự nguyện chịu án phí sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt theo quy định của pháp luật các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho nguyên đơn, bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt liên tiếp lần thứ 2 không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải cho các đương sự được và đồng thời Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định của pháp luật.

** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:*

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định Điều 48; Điều 198; khoản 2, 3 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

+ Thẩm quyền thụ lý và giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của người tham gia tố tụng Điều 28, 39, 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

+ Đối với đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay đương sự đã được thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 28; Điều 58; 63; 70 và khoản 1 Điều 228, Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015; căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn. Về con chung: không có. Về tài sản chung và nhà ở, các khoản vay nợ nguyên đơn, xác nhận không có nên không yêu cầu giải quyết. Căn cứ Điều 27, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án để tuyên nguyên đơn chịu án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho nguyên đơn, bị đơn, Tòa án đã tiến hành lấy ghi khai của đại diện gia đình nguyên đơn, bị đơn và đại diện chính quyền địa phương nơi bị đơn cư trú. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và bảo lưu toàn bộ lời khai tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai và đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do vì vậy Tòa án áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Tòa án tiến hành giải quyết vụ án đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Đỗ Thị Thu T và anh Nguyễn Anh S là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, sống không hợp nhau, không hạnh phúc và không có con chung. Khi mâu thuẫn xảy ra gia đình hai bên có biết và hòa giải nhưng không có kết quả. Anh chị đã ly thân từ đầu năm 2022 cho đến nay. Chị T xác định không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ nên đề nghị Tòa án cho ly hôn.

[3] Tòa án đã tiến hành ghi ý kiến của anh **Nguyễn Anh N**, sinh năm 1987; nơi cư trú: tổ dân phố H, thị trấn Q, huyện Q, thành phố Hà Nội - là em ruột của anh Nguyễn Anh S – bị đơn trong vụ án xin ly hôn giữa chị Đỗ Thị Thu T với anh Nguyễn Anh S trình bày quan điểm: Về quan hệ hôn nhân: chị

Đỗ Thị Thu T và anh trai tôi là Nguyễn Anh S có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 11 tháng 3 năm 2019 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Q, huyện Q, thành phố Hà Nội số 24/2019. Sau khi cưới vợ chồng về sinh sống tại xóm B, huyện Q. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Khi mâu thuẫn xảy ra gia đình hai bên có biết và hòa giải nhưng không có kết quả. Sau khi ly thân, chị T về nhà bố mẹ đẻ sinh sống còn anh trai tôi là anh Nguyễn Anh S về sống cùng gia đình tôi tại thị trấn Q. Vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay được toà án thông báo về việc chị T xin ly hôn anh S. Tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn anh S để ổn định cuộc sống; Về con chung: hai anh chị không có con chung; Về tài sản chung và nhà ở: Quan điểm của gia đình để hai anh chị tự thỏa thuận; Về khoản nợ: Gia đình chúng tôi xác nhận không vay nợ hai anh chị và hai anh chị cũng không vay nợ gì gia đình chúng tôi.

[4] Tòa án đã tiến hành xác minh mâu thuẫn tại địa phương và được ông **Nguyễn Văn X** – đại diện tổ dân phố H cho biết: chị Đỗ Thị Thu T và anh Nguyễn Anh S có đăng ký kết hôn ngày 11 tháng 3 năm 2019 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Q, huyện Q, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng cháu T, cháu S về sinh sống tại ngõ bệnh viện Q được khoảng 12 tháng thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, sống không hạnh phúc. Sau đó, cháu S, cháu T đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Hiện anh S đang sinh sống cùng bố mẹ đẻ và em trai tại tổ dân phố huyện, thị trấn Q, huyện Q, còn chị T về sống cùng bố mẹ đẻ. Hai bên không có liên hệ tình cảm gì với nhau; Về con chung: chị T, anh S không có con chung.

[5] Tòa án đã tiến hành ghi ý kiến của ông **Đỗ Kim H**, sinh năm 1960; nơi cư trú: tổ dân phố P, thị trấn Q, huyện Q, thành phố Hà Nội - là bố đẻ của chị T – nguyên đơn trong vụ án xin ly hôn với anh Nguyễn Anh S trình bày quan điểm: về tình cảm: hai vợ chồng Thảo S1 có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 11 tháng 3 năm 2019 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Q. Sau khi cưới vợ chồng về sinh sống tại xóm B, huyện Q. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Khi mâu thuẫn xảy ra gia đình hai bên có biết và hòa giải nhưng không có kết quả. Hai cháu đã sống ly thân nhiều năm nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay được toà án thông báo về việc chị T xin ly hôn anh S1. Tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho hai cháu được ly hôn để ổn định cuộc sống. Về con chung: hai anh chị không có con chung. Về tài sản chung và nhà ở: Quan điểm của gia đình để hai anh chị tự thỏa thuận. Về khoản nợ: Gia đình chúng tôi xác nhận không vay nợ hai cháu và hai cháu cũng không vay nợ gì gia đình chúng tôi.

Hội đồng xét xử xét thấy về quan hệ hôn nhân: chị T, anh S1 kết hôn hợp pháp trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng

bất đồng quan điểm sống, sống không hợp nhau, không hạnh phúc và không có con chung. Khi mâu thuẫn xảy ra gia đình hai bên có biết và hòa giải nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay. Bị đơn là anh Nguyễn Anh S đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa làm việc và không trình bày quan điểm giải quyết vụ án. Tuy nhiên, qua xác minh tại chính quyền địa phương và lời khai của người nhà anh S xác định: chị T, anh S trong lúc cùng chung sống có nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ nên Hội đồng xét xử giải quyết cho chị T được ly hôn với anh S là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về con chung: không có con chung, không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Nguyên đơn xác nhận tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về các khoản vay nợ: Nguyên đơn xác nhận không vay nợ nhau, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn anh S được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lời khai không có quan điểm về các nội dung giải quyết trong vụ án, bị đơn không đưa ra yêu cầu phản tố nên Tòa án không xem xét. Dành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác trong trường hợp anh S và chị T có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

[6] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm;

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Từ các căn cứ và nhận định của Hội đồng xét xử;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39: Điều 70; khoản 4 Điều 147; Điều 203; khoản 1 Điều 228; Điều 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ vào Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; căn cứ Điều 27, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị **Đỗ Thị Thu T**;

Chị **Đỗ Thị Thu T** được ly hôn với anh **Nguyễn Anh S.**

2. Về con chung: không có con chung, không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Nguyên đơn xác nhận tự thoả thuận nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết;

- Về các khoản vay nợ: Nguyên đơn xác nhận không vay nợ nhau, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu tòa án xem xét, giải quyết.

4. Do bị đơn không đưa ra yêu cầu phản tố nên Tòa án không xem xét. Dành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác trong trường hợp đương sự có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

5. Về án phí: Chị **Đỗ Thị Thu T** phải nộp 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0020361 ngày 26 tháng 02 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Quốc Oai;
- Chi Cục THA dân sự huyện Quốc Oai;
- UBND thị trấn Quốc Oai, huyện Quốc Oai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(dã ký)

Nguyễn Ngọc Long